

HỌC VIỆN NGÂN HÀNG
KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ



Tiểu luận kết thúc học phần

Học phần: KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC – LÊNIN

ĐỀ TÀI: SỨC LAO ĐỘNG LÀ GÌ? PHÂN TÍCH CÁC ĐỘNG CỬA ĐẠI DỊCH COVID 19 ĐẾN THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG VIỆT NAM. ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP ĐỂ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG SAU KHỦNG HOẢNG ĐẠI DỊCH COVID 19

Giảng viên hướng dẫn : Phạm Thanh Hiền

Sinh viên thực hiện : Nguyễn Thị Thu Trang

Lớp : K23ATCC

Mã sinh viên : 23A7510142

Hà nội, ngày 14 tháng 06 năm 2021

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài.....	1
2. Đối tượng nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu	1
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu	1
4. Phương pháp nghiên cứu	1
5. Ý nghĩa nghiên cứu đề tài	2
CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT LÝ LUẬN.....	3
1. Khái niệm sức lao động và hàng hóa sức lao động	3
1.1. Khái niệm sức lao động.....	3
1.2. Những điều kiện biến sức lao động thành hàng hóa?	3
1.3. Con đường tạo ra hai điều kiện để sức lao động trở thành hàng hóa	3
2. Hai thuộc tính của hàng hóa sức lao động.....	4
2.1. Giá trị của hàng hóa sức lao động	4
2.2. Giá trị sử dụng của hàng hóa sức lao động	4
2.3. Hàng hóa sức lao động là loại hàng hóa đặc biệt.....	5
3. Khái niệm thị trường lao động	5
CHƯƠNG 2: PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG	7
TÁC ĐỘNG CỦA ĐẠI DỊCH COVID 19 ĐẾN THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG VIỆT NAM.....	7
1. Tình hình thị trường lao động trước đại dịch Covid 19	7
2. Tác động của dịch Covid-19 đến các doanh nghiệp Việt	7
2.1. Tác động của dịch Covid-19 đến việc thành lập mới và tồn tại của doanh nghiệp	7
2.2. Tác động của dịch Covid-19 đến các hoạt động cụ thể của doanh nghiệp Việt Nam	8
3. Ảnh hưởng và tác động của Covid đến lao động và việc làm	10
3.1. Tác động của đại dịch Covid đến lực lượng lao động.....	11
3.2. Tác động của đại dịch Covid-19 đến lao động có việc làm	12
3.3. Tác động của của đại dịch Covid-19 đến thiếu việc làm	12
3.4. Tác động của đại dịch Covid 19 đến lao động thất nghiệp	13
CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP	14

GIẢI PHÁP ĐỂ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG VIỆT NAM SAU KHỦNG HOẢNG ĐẠI DỊCH COVID 19	14
1. Giải pháp hỗ trợ các doanh nghiệp.....	14
1.1. Về phía chính phủ và cơ quan quản lý nhà nước	14
1.2. Về phía doanh nghiệp.....	15
2. Một số biện pháp hỗ trợ người lao động	16
2.1. Về phía chính phủ và cơ quan nhà nước	16
2.2. Về phía doanh nghiệp hỗ trợ người lao động.....	17
KẾT LUẬN	18
TÀI LIỆU THAM KHẢO	19

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Nguồn lao động là tài sản quý giá và to lớn của quốc gia; là một trong những điều kiện tiên quyết thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế. Ngày nay, sự thịnh vượng của các quốc gia không còn chỉ dựa vào sự giàu có của nguồn tài nguyên thiên nhiên mà được xây dựng chủ yếu trên nền tảng văn minh trí tuệ của con người. Tuy nhiên, việc đào tạo, phát triển và những chính sách đãi ngộ người lao động trên thế giới vẫn còn nhiều bất cập. Do đó, việc đề ra những chính sách và giải pháp nhằm bình ổn thị trường đặc biệt này luôn luôn có ý nghĩa thời sự cả về lý thuyết lẫn thực tiễn đặc biệt trong đại dịch Covid 19 hiện nay. Lý luận về sức lao động, Chủ nghĩa Mác -Lênin đã có những luận điểm khoa học, toàn diện và biện chứng. Trên cơ sở đó, tạo tiền đề vững chắc cho việc lý giải và áp dụng vào thực tiễn xã hội. Để hiểu rõ hơn vấn đề này em đã chọn đề tài “Sức lao động là gì? Phân tích tác động của đại dịch covid 19 đến thị trường lao động Việt Nam. Đề xuất giải pháp để phát triển thị trường lao động sau khủng hoảng đại dịch COVID 19” làm vấn đề nghiên cứu.

2. Đối tượng nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng: Hàng hóa sức lao động của C. Mác, thị trường lao động Việt Nam trong thời kì khủng hoảng đại dịch COVID 19.

Phạm vi: quan điểm của C. Mác về lý luận hàng hóa sức lao động và thị trường sức lao động ở Việt Nam hiện nay.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Mục đích: Lý luận về hàng hóa sức lao động của C. Mác và sự vận dụng của loại thị trường này ở Việt trước đại dịch Covid 19.

Nhiệm vụ: nghiên cứu những quan điểm lý luận về hàng hóa sức lao động và đưa ra những giải pháp phát triển thị trường lao động trước đại dịch Covid 19.

4. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài sử dụng kết hợp các phương pháp như: phương pháp phân tích, phương pháp tổng hợp dữ liệu và phương pháp kết luận.

5. Ý nghĩa nghiên cứu đề tài

Giải quyết các thắc mắc về hàng hóa sức lao động và tác động của Covid đến thị trường lao động Việt Nam hiện nay. Từ đó, giúp chúng ta nhận thức rõ về vấn đề sức lao động và sau đó đề ra các giải pháp phát triển thị trường này.

CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT LÝ LUẬN

1. Khái niệm sức lao động và hàng hóa sức lao động

1.1. Khái niệm sức lao động

Sức lao động hay năng lực lao động là toàn bộ những năng lực thể chất và tính thần tồn tại trong cơ thể, trong một con người đang sống, và được người đó đem ra vận dụng mỗi khi sản xuất ra một giá trị sử dụng nào đó. [2]

1.2. Những điều kiện biến sức lao động thành hàng hóa?

Hàng hóa sức lao động là một loại hàng hóa đặc biệt mang những thuộc tính riêng và gắn liền với sự tồn tại và phát triển của nền kinh tế.

Sức lao động là yếu tố cơ bản của mọi quá trình sản xuất nhưng không phải trong xã hội nào nó cũng là hàng hóa. Sức lao động chỉ trở thành hàng hóa khi có những điều kiện lịch sử nhất định.

Có hai điều kiện để sức lao động trở thành hàng hóa:

Thứ nhất: Người lao động phải được tự do về thân thể, do đó có khả năng chi phối sức lao động của mình. Sức lao động chỉ xuất hiện trên thị trường với tư cách là hàng hoá, nếu nó do bản thân con người có sức lao động đưa ra bán. Muốn vậy, người có sức lao động phải có quyền sở hữu năng lực của mình.[7]

Nếu người có sức lao động không được tự do về thân thể (người nô lệ trong xã hội chiếm hữu nô lệ), thì họ không có quyền bán sức lao động. Trường hợp này, thì chủ nô là người có quyền quyết định đối với thân thể (kể cả sức lao động) của người nô lệ. Việc biến sức lao động thành hàng hoá đòi hỏi phải thủ tiêu chế độ chiếm hữu nô lệ và chế độ phong kiến.

Thứ hai: Người lao động không có đủ các tư liệu sản xuất cần thiết để tự kết hợp với sức lao động của mình tạo ra hàng hóa để bán, cho nên họ phải bán sức lao động.[2]

Nếu người có sức lao động có tư liệu sản xuất (người sản xuất nhỏ) thì họ sẽ không phải bán sức lao động. Nếu cần họ có thể bán sản phẩm được tạo ra bằng chính sức lao động và tư liệu sản xuất của họ.

Sự tồn tại của hai điều kiện trên tất yếu biến sức lao động trở thành hàng hóa. Sức lao động biến thành hàng hóa là điều kiện quyết định để tiền tư bản trở thành tư bản. Chính sự xuất hiện của hàng hóa sức lao động đã làm cho hàng hóa có tính phổ biến hơn và báo hiệu sự ra đời của một thời đại mới trong lịch sử xã hội - thời đại tư bản chủ nghĩa.

1.3. Con đường tạo ra hai điều kiện để sức lao động trở thành hàng hóa

Con đường thứ nhất: Đó sự phân hóa những người sản xuất hàng hóa nhỏ dưới tác động của các quỹ luật kinh tế khách quan, trước hết là quỹ luật giá trị. Sự

phân hóa này diễn ra chậm chạp. Trong thực tế, ở Tây Âu thế kỷ XVI – XVII hai điều kiện trên được tạo ra nhanh chóng bằng con đường thứ hai.

Con đường thứ hai: do sự tích lũy nguyên thủy của tư bản: giải cấp thống trị sử dụng bạo lực tước đoạt tư liệu sản xuất của những người sản xuất nhỏ (chủ yếu là nông dân) biến họ thành những người làm thuê (bán sức lao động)

Như vậy, sức lao động trở thành hàng hóa một cách phổ biến khi nền kinh tế tư bản chủ nghĩa ra đời với đầy đủ hai điều kiện cần và đủ như trên. Cho nên cũng như một số phạm trù kinh tế khác, hàng hóa sức lao động là một phạm trù lịch sử.

2. Hai thuộc tính của hàng hóa sức lao động

2.1. Giá trị của hàng hóa sức lao động

Cũng giống như những loại hàng hóa khác, giá trị hàng hóa sức lao động được xác định dựa trên thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất và tái sản xuất sức lao động. Sức lao động là năng lực sản xuất của người lao động. Do đó để duy trì và tái sản xuất sức lao động, người lao động cần phải tiêu dùng một lượng tư liệu sinh hoạt nhất định bao gồm: ăn uống, ngủ nghỉ, ở, học nghề... Vì vậy, giá trị hàng hóa sức lao động có thể được đo lường gián tiếp bằng giá trị của các tư liệu sinh hoạt cần thiết cho việc tái sản xuất sức lao động.

Khác với hàng hóa thông thường, hàng hóa sức lao động bao gồm cả yếu tố tinh thần và yếu tố lịch sử của từng quốc gia, từng phong tục tập quán trong từng thời kỳ, trình độ văn minh, điều kiện địa lý, khí hậu, quá trình hình thành giai cấp công nhân. Điều này thể hiện ở chỗ ngoài nhu cầu về vật chất, công nhân còn mong muốn được thỏa mãn về những nhu cầu về tinh thần như vui chơi, giải trí, học tập, tiếp nhận thông tin, giao lưu văn hóa... được phân tích rất rõ trong tháp nhu cầu của Maslow. Tuy nhiên, tại một quốc gia và thời kỳ lịch sử nhất định tư liệu sinh hoạt cần thiết có thể được xác định dựa trên 3 thành tố:

Một là: giá trị tư liệu cần thiết (cả vật chất, tinh thần) để tái sản xuất ra sức lao động.

Hai là: chi phí đào tạo người lao động.

Ba là: giá trị tư liệu sinh hoạt cần thiết (vật chất và tinh thần) nuôi con của người lao động.

Nếu đúng theo nguyên tắc ngang giá trong nền kinh tế thị trường thì giá cả của hàng hóa sức lao động phải phản ánh lượng giá trị nêu trên.

2.2. Giá trị sử dụng của hàng hóa sức lao động

Giá trị sử dụng là công dụng của vật phẩm có thể thỏa mãn nhu cầu nào đó của con người. Ví dụ: Giá trị sử dụng của cơm là để ăn, của áo là để mặc... Mỗi một

vật cũng có thể có nhiều thuộc tính tự nhiên khác nhau, do đó nó có nhiều giá trị sử dụng hay công dụng khác nhau.

Giá trị sử dụng hay công dụng của hàng hóa là do thuộc tính tự nhiên của vật thể hàng hóa quyết định. Với ý nghĩa như vậy, giá trị sử dụng là một phạm trù vĩnh viễn.

Giá trị sử dụng chỉ thể hiện khi con người sử dụng hay tiêu dùng, nó là nội dung vật chất của của cải, không kể hình thức xã hội của của cải đó như thế nào. Các Mác chỉ rõ: Chỉ có trong việc sử dụng hay tiêu dùng, thì giá trị sử dụng mới được thể hiện.

Một vật khi đã là hàng hóa thì nhất thiết nó phải có giá trị sử dụng. Nhưng không phải bất cứ vật gì có giá trị sử dụng cũng đều là hàng hóa. Chẳng hạn, không khí rất cần cho cuộc sống con người, nhưng không phải là hàng hóa. Như vậy, một vật muốn trở thành hàng hóa thì giá trị sử dụng của nó phải là vật được sản xuất ra để bán, để trao đổi, cũng có nghĩa là vật đó phải có giá trị trao đổi. Trong kinh tế hàng hóa, giá trị sử dụng là vật mang giá trị trao đổi.[8]

2.3. Hàng hóa sức lao động là loại hàng hóa đặc biệt

Hàng hóa sức lao động được hiểu là một loại hàng hóa đặc biệt. Chúng mang trong mình những thuộc tính riêng và liên kết chặt chẽ với sự tồn tại, phát triển của toàn nền kinh tế. Thêm vào đó thì sức lao động trở thành hàng hóa chính là một điều kiện tiên quyết trong việc hình thành nền kinh tế dạng tư bản. Đánh dấu một bước tiến quan trọng để tạo nên quyền tự do cá nhân và tạo ra sự phát triển cho nền kinh tế.

So sánh hàng hóa sức lao động với hàng hóa thông thường, ta thấy bên cạnh một số điểm giống nhau (đều là hàng hóa, có hai thuộc tính), thì hàng hóa sức lao động có rất nhiều điểm khác với hàng hóa thông thường (về việc mua – bán, về giá trị và đặc biệt là giá trị sử dụng). Cho nên, sức lao động là hàng hóa đặc biệt có khả năng năng tạo hình ra giá trị và giá trị thặng dư. Chính sự xuất hiện của hàng hóa này là chìa khóa để giải thích mâu thuẫn trong công thức chung của tư bản.

3. Khái niệm thị trường lao động

Thị trường lao động là thỏa thuận trao đổi hàng hóa đặc biệt giữa một bên là người thuê sức lao động và một bên là người sử dụng sức lao động.[4]

Thị trường lao động là một thị trường được xem là rộng lớn và quan trọng nhất trong hệ thống thị trường lao động hiện nay, có thể nói phần lớn thời gian của mỗi người ở độ tuổi lao động họ sẽ dành để làm việc và lao động. Người lao động bỏ thời gian và công sức để hoàn thành công việc, kết quả của lao động sẽ được tính

bằng thù lao lao động và trả công theo năng lực và số lượng công việc có thể hoàn thành.[4]

Đây được xem là mối quan hệ mật thiết với nhau từ bên sử dụng sức lao động nhằm xác định chất lượng và số lượng lao động để đem ra trao đổi thỏa thuận với mức thù lao tương ứng. Tức là nhà tuyển dụng ở các công ty và các ứng viên ứng tuyển sau thành nhân viên chính thức.

Trên thị trường hiện nay, nhất là ở những thành phố lớn thì thị trường lao động cũng chịu sự tác động của khá nhiều quy luật, ví dụ như quy luật cạnh tranh, với những nghề nghiệp có yêu cầu cao, thì mức thù lao chi trả sẽ cao hơn... ngoài ra còn có quy luật độc quyền, quy luật cung cầu... rất nhiều quy luật điều chỉnh thị trường lao động.

CHƯƠNG 2: PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG TÁC ĐỘNG CỦA ĐẠI DỊCH COVID 19 ĐẾN THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG VIỆT NAM

Đại dịch Covid - 19 được Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) đánh giá là “cuộc khủng hoảng toàn cầu tồi tệ nhất kể từ sau Thế chiến thứ II”. Đại dịch diễn ra thần tốc trên phạm vi toàn cầu nhiều tháng qua, lan rộng đến 215 quốc gia và vùng lãnh thổ, ảnh hưởng trầm trọng đến mọi hoạt động của tất cả các quốc gia. Nền kinh tế toàn cầu rơi vào tình trạng suy thoái nghiêm trọng, tác động nặng nề tới thị trường lao động và Việt Nam cũng nằm trong số đó.

1. Tình hình thị trường lao động trước đại dịch Covid 19

Trước đại dịch Covid-19, theo kết quả của Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm 2019 (công bố vào ngày 19/12/2019), tỉ trọng việc làm theo ngành đã có sự dịch chuyển tích cực trong giai đoạn 2009 - 2019. Trong đó, tỉ trọng lao động khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản có xu hướng giảm (53,9% năm 2009, 46,3% năm 2014 và 35,3% vào năm 2019) còn tỷ trọng lao động trong khu vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ lại có xu hướng tăng, nhất là số lao động ở khu vực dịch vụ cao hơn số lao động làm việc trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản. Với xu hướng dịch chuyển như vậy thì tỉ lệ lao động làm việc tại khu vực dịch vụ và công nghiệp sẽ sớm đạt được ngưỡng 70% (TCTK 2019a). Ngoài ra, tỉ trọng lao động làm công việc giản đơn đã giảm mạnh so với 10 năm trước đây, trong khi đó, các nhóm nghề thu hút được nhiều số lao động tham gia như “dịch vụ cá nhân, bảo vệ và bán hàng” (18,3%), “thợ thủ công và các thợ khác có liên quan” (14,5%) và “thợ lắp ráp và vận hành máy móc thiết bị” (13,2%) trong tổng số lao động đang làm việc (TCTK, 2019a).[6]

2. Tác động của dịch Covid-19 đến các doanh nghiệp Việt Nam

2.1. Tác động của dịch Covid-19 đến việc thành lập mới và tồn tại của doanh nghiệp

Do tác động của dịch bệnh Covid-19, tình hình sản xuất kinh doanh ở hầu hết các nhóm ngành đều gặp khó khăn, cùng với tâm lý e ngại, thận trọng của các nhà đầu tư khi dịch bệnh diễn biến phức tạp, nên số lượng doanh nghiệp thành lập mới giảm đáng kể.

Theo số liệu thống kê từ Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (2020), trong 9 tháng đầu năm 2020, số doanh nghiệp đăng kí mới sụt giảm nghiêm trọng, giảm 3,2% so với cùng kỳ. Trong đó, lĩnh vực giảm mạnh mẽ nhất là nhóm doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nghệ thuật, vui chơi và giải trí (giảm 22,5% trong quý I/2020 so cùng kỳ 2019, tổng 9 tháng năm 2020 giảm 37,2% so cùng kỳ 2019); kinh doanh bất động sản 9 tháng đầu năm 2020 giảm 19,2% so cùng kỳ 2019 (quý I/2020 giảm 11,9% so cùng kỳ 2019); trong khi đó, các doanh nghiệp lĩnh vực hoạt động dịch vụ khác trong 9 tháng đầu năm 2020 có số lượng đăng ký mới giảm 32,1% so cùng kỳ 2019 (quý I/2020 giảm 12,2% so cùng kỳ 2019).[11]

Bên cạnh đó, do ảnh hưởng của dịch bệnh, nhiều doanh nghiệp phải ngừng kinh doanh hoặc giải thể. Số lượng doanh nghiệp đã hoàn thành xong thủ tục giải thể trong 9 tháng đầu năm 2020 là 12.089 doanh nghiệp. Phần lớn là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ lưu trú và ăn uống, lĩnh vực giáo dục và đào tạo, lĩnh vực dịch vụ việc làm và du lịch, kinh doanh bất động sản.

2.2. Tác động của dịch Covid-19 đến các hoạt động cụ thể của doanh nghiệp Việt Nam

Một số ngành có thể thấy ngay mức độ ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 như: Ngành dịch vụ, du lịch, nhà hàng, tuy nhiên một số ngành bị ảnh hưởng gián tiếp do thu nhập người dân giảm, giảm mua sắm như bất động sản, thời trang... Những doanh nghiệp có nguồn vốn lớn có thể cầm cự được nhưng với những doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ, hộ kinh doanh nhỏ lẻ, nguồn vốn còn hạn chế thì đây là khó khăn lớn.

Khi dịch Covid-19 xuất hiện ở Việt Nam, Tổng cục Thống kê đã tiến hành khảo sát các doanh nghiệp và kết quả cho thấy có tới 85,7% số doanh nghiệp được khảo

sát chịu tác động bởi dịch Covid-19. Lĩnh vực công nghiệp - xây dựng và lĩnh vực dịch vụ chịu tác động đến 86,1% và 85,9% tổng số doanh nghiệp. Lĩnh vực nông, lâm, thủy sản chịu ảnh hưởng ít hơn với 78,7%. [11]

Ngành hàng không chịu tác động 100%, dịch vụ lưu trú 97,1%, dịch vụ ăn uống 95,5%, hoạt động của các đại lý du lịch 95,7%, giáo dục đào tạo 93,9%, dệt may, sản xuất da, các sản phẩm từ da, sản xuất các sản phẩm điện tử, sản xuất oto đều có tỷ lệ chịu tác động lên tới hơn 90%. [9]

Nhiều lĩnh vực sản xuất của Việt Nam phụ thuộc nhiều vào nguồn nguyên, nhiên liệu nhập khẩu, chủ yếu là Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Mỹ, EU... Khi dịch Covid-19 xảy ra, việc hạn chế đi lại, thông thương đã ảnh hưởng đến nguồn nguyên, vật liệu đầu vào của doanh nghiệp, bao gồm các doanh nghiệp sản xuất hoá chất nông nghiệp như phân bón, thuốc bảo vệ thực vật; các doanh nghiệp dệt may, da giày, sản xuất giấy, sản phẩm từ gỗ, sản xuất kinh doanh thép; các doanh nghiệp khai khoáng xây dựng... Các doanh nghiệp này thiếu hụt nguồn nguyên liệu đầu vào đã ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh, hoàn thành các đơn hàng đã đặt trước, từ đó ảnh hưởng đến doanh thu và uy tín của doanh nghiệp.

Dịch Covid-19 xảy ra và nhanh chóng lan rộng trên toàn thế giới làm sức mua của nền kinh tế toàn cầu giảm, hoạt động giao thương hạn chế, dẫn đến việc giãn, huỷ, hoãn các đơn đặt hàng, gây sụt giảm kim ngạch xuất khẩu và làm giảm sản lượng, doanh thu của doanh nghiệp. Điều này ảnh hưởng đến nhiều doanh nghiệp ở nhiều ngành, lĩnh vực khác nhau.

Covid-19 hạn chế hoạt động xuất khẩu hàng hoá của các doanh nghiệp trong lĩnh vực này. Trong quý I/2020 nhiều mặt hàng nông - thủy sản gặp khó khăn khi xuất khẩu ra các thị trường Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Mỹ, EU, ASEAN. Nguyên nhân do lệnh phong tỏa, hạn chế đi lại, nhiều hợp đồng bị huỷ bỏ. Kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng nông lâm sản giảm 4,5%, thủy sản giảm 11,2% trong quý I/2020 so với cùng kỳ, trong đó có nhiều mặt hàng giảm mạnh như cao su (-26,1%), rau quả (-11,5%), cafe (-6,4%)... Từ giữa tháng 4/2020, nhiều quốc

gia dần kiểm soát được dịch bệnh, từng bước mở cửa trở lại nền kinh tế cùng với các gói kích cầu cải thiện kim ngạch xuất khẩu.[11]

Các doanh nghiệp chịu ảnh hưởng mạnh của đại dịch do gặp khó khăn trong tiêu thụ sản phẩm nên doanh nghiệp chịu căng thẳng về dòng tiền. Nhiều doanh nghiệp chỉ quan tâm đến các biện pháp cắt giảm dòng tiền chi ra trong bối cảnh doanh thu hạn chế. Kết quả khảo sát của Ban nghiên cứu phát triển kinh tế tư nhân cho thấy, có hơn 60% doanh nghiệp được khảo sát chịu ảnh hưởng giảm hơn 50% doanh thu, 28,9% doanh nghiệp chịu ảnh hưởng giảm từ 20-50% doanh thu (Báo cáo kết quả khảo sát lần 1 của Ban nghiên cứu phát triển kinh tế tư nhân). Có đến 74% số doanh nghiệp trả lời khảo sát có nguy cơ phá sản do doanh thu không thể bù đắp chi phí hoạt động, chi lương cho người lao động, chi trả tiền lãi vay ngân hàng, chi phí thuê mặt bằng, các khoản thuế, phí... cho hoạt động sản xuất kinh doanh và các chi phí khác.[11]

3. Ảnh hưởng và tác động của Covid đến lao động và việc làm

Đại dịch Covid-19 xuất hiện tại Việt Nam từ tháng 1 năm 2020 đã ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình lao động và việc làm trong các ngành và tại tất cả các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Trong đó, ảnh hưởng rõ rệt nhất vào quý II năm 2020 khi tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, nhiều ca lây nhiễm trong cộng đồng xuất hiện và đặc biệt là việc áp dụng các quy định về giãn cách xã hội được thực hiện triệt để trong tháng 4 năm 2020. Tính đến tháng 9 năm 2020, cả nước có 31,8 triệu người từ 15 tuổi trở lên bị ảnh hưởng tiêu cực bởi dịch Covid-19, trong đó gồm người bị mất việc làm, người phải nghỉ giãn việc/ngỉ việc luân phiên, bị giảm giờ làm hay giảm thu nhập... Có tới 68,9% người lao động bị giảm thu nhập (ở mức nhẹ), số người bị giảm giờ làm/ngỉ giãn cách/ngỉ luân phiên chiếm tới 40% người tham gia lao động, và số người buộc phải tạm nghỉ hoặc tạm ngừng sản xuất kinh doanh chiếm tới 14% (Tổng cục Thống kê, 2020a). Trong các khu vực kinh tế thì khu vực dịch vụ là chịu ảnh hưởng nặng nề nhất bởi dịch Covid-19 với 68,9% số lao động trong khu vực này bị ảnh hưởng. Ngoài ra trong

các khu vực công nghiệp, xây dựng và khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản cũng bị ảnh hưởng với 66,4% và 27% (TCTK, 2020a). [6]

3.1. Tác động của đại dịch Covid 19 đến lực lượng lao động

Đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động thương mại, dịch vụ và xuất nhập khẩu. Theo số liệu của tổng cục thống kê (2020b), trong 9 tháng, khu vực dịch vụ đạt mức tăng thấp nhất của cùng kỳ các năm 2011-2020. Dịch vụ kho bãi giảm 4% (giảm 0,14 điểm phần trăm), dịch vụ lưu trú và ăn uống giảm 17,03% (giảm 0,76 điểm phần trăm). Có thể nói, Covid -19 đã ảnh hưởng, tác động nghiêm trọng đến tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội, gây gián đoạn chuỗi cung ứng và lưu chuyển thương mại, làm đình trệ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; nhiều doanh nghiệp đến phá sản, giải thể, tạm dừng hoạt động, thu hẹp quy mô... điều này ảnh hưởng trực tiếp tình hình lao động và việc làm.

Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên trong quý I, II và quý III năm 2020 đều có sự thay đổi do tác động của dịch Covid-19. Lực lượng lao động quý II năm 2020 là 53,1 triệu người, giảm 2,2 triệu người so với quý trước (quý I năm 2020, 55,3 triệu, tỉ lệ tham gia lao động là 75,4%) và giảm 2,4 triệu người so với cùng kỳ năm trước (Tổng cục Thống kê, 2020c, 2020d). Đây là năm ghi nhận mức giảm sâu kỷ lục của lực lượng lao động từ trước đến nay. Lực lượng lao động trong độ tuổi lao động quý II năm 2020 là 46,8 triệu người, giảm 2,1 triệu người so với quý trước (quý I năm 2020 là 48,9 triệu)(Tổng cục thống kê, 2020c, 2020d) và giảm 2,2 triệu người so với cùng kỳ năm trước, trong đó số lao động nữ trong độ tuổi lao động chiếm 44,7% lực lượng lao động trong độ tuổi của cả nước (20,93 triệu) (Tổng cục Thống kê, 2020d). Số liệu về lực lượng lao động của quý II năm 2020 cho thấy, ước tính tỷ lệ tham gia lực lượng lao động đạt 72,3%, giảm 3,1% so với tỷ lệ tham gia lực lượng lao động của quý I (75,4%) và 4,1% cùng kỳ năm trước. Tỉ lệ lao động nam tham gia lực lượng lao động cao hơn tỉ lệ lao động nữ tham gia lực lượng lao động là 11,7 điểm phần trăm (78,3% và 66,6%). (TCTK, 2020c, d). Đối với nhóm ngoài độ tuổi lao động, trong khi lực lượng lao động nữ đã giảm

so với quý trước (1,8%) và cùng kỳ năm trước (4,9%) trong khi đó thì lực lượng lao động nam tăng nhẹ so với quý trước (0,8%) và cùng kỳ năm trước (1,4%).[5]

Như vậy, đối với cả nhóm lực lượng lao động trong độ tuổi và ngoài độ tuổi, lực lượng lao động nữ luôn là nhóm chịu ảnh hưởng nặng nề hơn so với lực lượng lao động nam trong bối cảnh dịch Covid-19 tác động sâu rộng tới thị trường lao động tại Việt Nam.

3.2. Tác động của đại dịch Covid-19 đến lao động có việc làm

Đại dịch Covid-19 ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động thương mại, dịch vụ và xuất nhập khẩu trong những tháng đầu năm 2020. Trong đó, khu vực dịch vụ trong 9 tháng đạt mức tăng thấp nhất của cùng kỳ các năm 2011-2020. Trong khu vực dịch vụ, một số ngành dịch vụ thị trường có tỷ trọng lớn, đóng góp vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm (tháng 9/2020): Bán buôn và bán lẻ tăng 4,98% so với cùng kỳ năm trước (0,54 điểm phần trăm); hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 6,68% (0,4 điểm phần trăm); ngành vận tải, kho bãi giảm 4% (giảm 0,14 điểm phần trăm); ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống giảm 17,03% (giảm 0,76 điểm phần trăm).[6]

Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản 9 tháng năm 2020 tăng thấp so với cùng kỳ năm trước do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, dịch Covid-19 và dịch tả lợn châu Phi (TCTK, 2020b). Khu vực công nghiệp tăng 2,69% so với cùng kỳ năm trước và thấp hơn nhiều so với mức tăng cùng kỳ các năm 2011-2016, trong khi ngành xây dựng tăng 5,02%, cao hơn mức giảm 0,01% và tăng 2,78% của 9 tháng năm 2011 và năm 2012 giai đoạn 2011-2020.[6]

3.3. Tác động của đại dịch Covid-19 đến thiếu việc làm

Số lao động thiếu việc làm trong độ tuổi lao động của quý III năm 2020 là 1,3 triệu người. Mặc dù có giảm trong quý III (81,4 nghìn người) nhưng vẫn cao hơn so với cùng kỳ năm trước (560,4 nghìn người) với tỉ lệ là 2,79% (giảm 0,29 điểm phần trăm so với cùng kỳ quý trước và tăng 1,21 điểm phần trăm so với cùng kỳ

năm trước). Tỷ lệ này ở khu vực nông thôn là 3,2% (của lao động trong độ tuổi), cao hơn tỷ lệ này ở khu vực thành thị 1,99 điểm phần trăm.[6]

Theo số liệu của TCTK (2020a), có đến gần 1/2 số lao động thiếu việc làm quý III năm 2020 (trong độ tuổi lao động) hiện đang làm việc trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, chiếm 49,3%, giảm 26,1 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 25,9%, tăng 17,6 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ chiếm 24,8%, tăng 8,5 điểm phần trăm. Tỷ lệ lao động thiếu việc làm ở khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản là 4,8%, cao gấp 2,2 lần so với khu vực công nghiệp và xây dựng và cao hơn 2,6 lần so với khu vực dịch vụ. Như vậy, tình trạng thiếu việc làm hiện nay không chỉ tập trung ở khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản mà đang tăng lên ở cả khu vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ.[6]

3.4. Tác động của đại dịch Covid 19 đến lao động thất nghiệp

Đến tháng 9 tháng năm 2020, gần 1,2 triệu người thất nghiệp trong độ tuổi lao động, tăng 132,1 nghìn người so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động 9 tháng năm 2020 là 2,48%, cao gấp 1,14 lần so với cùng kỳ năm trước. Thành phố Hồ Chí Minh có tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động quý III năm 2020 là 4,3%, cao hơn 1,94 điểm phần trăm so với Hà Nội (2,36%).[10]

Lực lượng lao động trong độ tuổi lao động ở khu vực thành thị có tỷ lệ thất nghiệp là 4,0%, giảm 0,46 điểm phần trăm so với quý trước và tăng 0,89 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước. Đây là tỷ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi lao động ở khu vực thành thị cao nhất trong vòng 10 năm qua. Quý III năm 2020, tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên là 7,24%, tăng 0,26 điểm phần trăm so với quý trước, tăng 0,51 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước; cao gấp 4,2 lần so với tỷ lệ thất nghiệp của dân số trưởng thành (những người từ 25 tuổi trở lên). Thanh niên khu vực thành thị có tỷ lệ thất nghiệp là 11,29%, tăng 0,2 điểm phần trăm so với quý trước và tăng 0,65 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước. Thành phố Hà Nội và Hồ Chí Minh, nhóm thanh niên có tỷ lệ thất nghiệp khá cao tương ứng là 9,25% và 10,47%. [10]

CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP

GIẢI PHÁP ĐỂ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG VIỆT NAM SAU KHỦNG HOẢNG ĐẠI DỊCH COVID 19

1. Giải pháp hỗ trợ các doanh nghiệp

Tác động của đại dịch Covid 19 đã làm cho các doanh nghiệp và người lao động gặp nhiều khó khăn và thách thức. Do đó, để hỗ trợ doanh nghiệp, người lao động phục hồi sản xuất góp phần cải thiện tình hình lao động việc làm, cần thực hiện một số giải pháp

1.1. Về phía chính phủ và cơ quan quản lý nhà nước

Chính phủ và cơ quan quản lý nhà nước đã có những biện pháp Hỗ trợ các doanh nghiệp vượt quá khủng hoảng Covid 19:

Một là, tích cực triển khai các biện pháp kiểm soát tốt dịch bệnh trong bối cảnh mới nhằm kích thích tăng tổng cầu cho nền kinh tế.

Hai là, hỗ trợ doanh nghiệp trong khơi thông nguồn nguyên vật liệu nhập khẩu. Chính phủ cần tháo gỡ những vướng mắc về logistics, giảm thiểu tình trạng ách tắc ở biên giới do công tác phòng dịch. Khuyến khích phát triển ngành công nghiệp phụ trợ phục vụ cho những ngành xuất khẩu chủ lực. Hỗ trợ các doanh nghiệp cung ứng vật tư trong nước để đảm bảo nguồn nguyên vật liệu trong nước.

Ba là, tái cơ cấu doanh nghiệp khu vực tư nhân nhằm hạn chế tác động tiêu cực từ dịch bệnh Covid 19, tập trung vào các ngành, lĩnh vực chịu tác động nặng nề của dịch bệnh. Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận các kênh thông tin về xuất, nhập khẩu nhằm tìm kiếm thị trường mới nhập khẩu nguyên, vật liệu đầu vào và thị trường tiêu thụ sản phẩm. Hỗ trợ doanh nghiệp đẩy mạnh hoạt động thương mại điện tử số, kinh tế số.

Bốn là, hỗ trợ doanh nghiệp trong việc đảm bảo dòng tiền thanh toán. Giảm nợ, gia hạn nợ cho các doanh nghiệp. Tiếp tục gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất cho doanh nghiệp. Dịch Covid-19 tác động đến cả cung và cầu hàng hoá trên thị trường. Do đó, Chính phủ cần nghiên cứu và đẩy nhanh các gói cứu trợ nền kinh

tế tác động đến cả cung và cầu. Ví dụ như giảm thuế giá trị gia tăng giúp giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành, phục hồi được tiêu dùng, từ đó phát triển sản xuất.

Năm là, đẩy mạnh mối quan hệ hợp tác công- tư theo hướng đa dạng hoá về nguồn hàng, khách hàng và thị trường, đặc biệt đối với doanh nghiệp thuộc các ngành, lĩnh vực chịu tác động nặng nề của dịch bệnh như vận tải, du lịch, nông sản xuất khẩu và các doanh nghiệp công nghiệp chế tạo phụ thuộc vào nguồn nguyên, vật liệu từ nước ngoài.

Sáu là, hoàn thiện khung pháp lý liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, cắt giảm các quy định không cần thiết, không hợp lý, là rào cản cho hoạt động của doanh nghiệp.

1.2. Về phía doanh nghiệp

Các doanh nghiệp cũng phải đề ra các giải pháp giúp phục hồi và giảm bớt những thiệt hại do Covid-19 gây ra.

Thứ nhất, các doanh nghiệp cần chú trọng đa dạng hoá nguồn cung nguyên vật liệu, đặc biệt với nguồn nguyên vật liệu nhập khẩu. Nhiều doanh nghiệp Việt Nam trong tình trạng phụ thuộc quá lớn vào một thị trường, một nguồn cung nguyên vật liệu. Nếu xảy ra biến động từ thị trường nguồn cung thì các nghiệp khó có khả năng chống đỡ.

Do vậy, cần hạn chế thấp nhất việc phụ thuộc vào một thị trường do tính rủi ro và thiếu bền vững. Thúc đẩy hợp tác song phương, đa phương về khoa học và công nghệ, tìm kiếm, chuyển giao công nghệ nước ngoài nhằm tận dụng hiệu quả tài nguyên, giảm sự phụ thuộc vào nguồn cung ứng vật liệu nước ngoài.

Thứ hai, doanh nghiệp cần nỗ lực tiếp cận thị trường mới, tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận trong các thị trường hiện tại, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, cải thiện chất lượng sản phẩm và nâng cao năng suất. Giới thiệu, phát triển các sản phẩm, dịch vụ mới, đồng thời, cần nghiên cứu tình hình dịch bệnh và thị trường để điều chỉnh kế hoạch sản xuất, mục tiêu từng giai đoạn ngắn.

Thứ ba, áp dụng công nghệ, tự động hoá một số công việc trong doanh nghiệp nhằm tinh gọn bộ máy lao động, giảm chi phí phù hợp với bối cảnh mới. Cơ cấu lại doanh nghiệp, cải thiện quản trị doanh nghiệp. Tận dụng các sàn thương mại điện tử để bán hàng, chuyển kênh bán hàng truyền thống thành online nhằm cắt giảm chi phí.

Thứ tư, các doanh nghiệp Việt Nam có thể kết hợp với nhau lập ra một chuỗi cung ứng mới. Tìm cách kết nối phát triển thị trường nội bộ giữa các doanh nghiệp và hiệp hội doanh nghiệp trong tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ, tìm nguyên cung ứng vật tư, nguyên liệu, chia sẻ công nghệ và kinh nghiệm quản lý... Các doanh nghiệp có thể hỗ trợ nhau về vốn thay vì vay tiền từ ngân hàng cùng với các quyền lợi hấp dẫn hơn dành cho nhau.

2. Một số biện pháp hỗ trợ người lao động

2.1. Về phía chính phủ và cơ quan nhà nước

Nhằm chia sẻ khó khăn, bảo đảm cuộc sống của nhân dân, người lao động cả nước, góp phần ổn định xã hội, Chính phủ quyết nghị thực hiện một số biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 như sau:

Một là người lao động làm việc theo chế độ hợp đồng lao động phải thỏa thuận tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương từ 01 tháng trở lên do các doanh nghiệp gặp khó khăn bởi đại dịch Covid-19, không có doanh thu hoặc không có nguồn tài chính để trả lương thì được hỗ trợ với mức 1.800.000 đồng/người/tháng. Thời gian hỗ trợ theo thời gian thực tế tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không lương, theo hằng tháng tùy theo tình hình thực tế của diễn biến dịch, tính từ ngày 01 tháng 4 năm 2020 và không quá 3 tháng.[3]

Hai là người lao động bị chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp; người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm được hỗ trợ 1.000.000 đồng/người/tháng theo hằng tháng tùy theo tình hình thực tế của diễn biến dịch nhưng tối đa không quá 3 tháng. Thời gian áp dụng từ tháng 4 đến tháng 6 năm 2020.[3]

Ba là cho phép người lao động được gửi hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp qua đường bưu điện, thông báo về việc tìm kiếm việc làm hàng tháng được thực hiện dưới hình thức gián tiếp (gửi thư điện tử, fax, qua đường bưu điện...) trong thời gian từ ngày 01 tháng 4 năm 2020 đến khi công bố hết dịch mà không phải xin xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn về việc xảy ra dịch bệnh trên địa bàn.[3]

2.2. Về phía doanh nghiệp hỗ trợ người lao động

Các doanh nghiệp tạo điều kiện làm việc linh hoạt: người lao động được tự chủ về địa điểm và thời gian hoàn thành trách nhiệm trong công việc.

Trường hợp doanh nghiệp doanh nghiệp cho nghỉ để phòng dịch: bất kì người lao động nào tạm nghỉ theo yêu cầu của doanh nghiệp để đảm bảo công tác phòng chống dịch thì vẫn được hưởng lương tối thiểu theo quy định và hợp đồng.[1]

Trường hợp doanh nghiệp cho nhân viên làm việc tại nhà: các lao động vẫn được hưởng lương 100% hoặc 80% tùy thuộc vào năng suất của người lao động. Trong một vài trường hợp có thể thấp hơn 80% lương nhưng vẫn đảm bảo không thấp hơn mức lương tối thiểu.[1]

Trong trường hợp ngừng việc: người lao động được trả trước tối thiểu 50% lương ngừng việc cho người lao động theo Khoản 3 Điều 98 của Bộ luật lao động.[1]

Trong trường hợp người lao động đang làm việc bình thường mà phải ngừng việc do cách ly vì dịch bệnh (không do lỗi của người lao động lẫn người sử dụng lao động) thì người lao động được nhận lương ngừng việc với mức do hai bên thỏa thuận nhưng không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng.[1]

Ngoài ra các doanh nghiệp còn hướng dẫn người lao động tìm kiếm hỗ trợ y tế: trực tiếp giúp đỡ người lao động có triệu chứng mắc COVID-19 tìm kiếm các cơ sở và dịch vụ y tế.

KẾT LUẬN

Việt Nam được cân nhắc mức độ ổn định cao về tỷ giá, tăng trưởng kinh tế cũng như khả năng kiểm soát tốt dịch bệnh. Tác động của dịch bệnh Covid - 19 khiến yêu cầu phải giảm bớt tiếp xúc giữa người với người cũng là thách thức đối với lực lượng lao động. Quy trình sản xuất công nghiệp đã, đang và sẽ được tái thiết kế để phù hợp tỷ lệ tự động hóa cao hơn. Do vậy, cơ hội việc làm sẽ dần mở rộng hơn đối với nhóm lao động có chuyên môn và kỹ năng cao hơn, đặc biệt là về mức độ hiểu biết và khả năng điều khiển máy móc. Đại dịch này càng khẳng định hơn nữa yêu cầu phải đảm bảo khả năng chống chịu của chuỗi cung ứng công nghiệp toàn cầu, phân tán rủi ro đồng đều hơn.

Khủng hoảng dịch bệnh Covid - 19 đặt ra nhiều thách thức mới về đảm bảo an ninh việc làm. Việc xuất hiện dịch bệnh đã thay đổi hoàn toàn viễn cảnh và sự vận hành thông thường của cấu trúc sản xuất và thương mại toàn cầu, ít nhất trong ngắn hạn. Các thị trường tiêu thụ lớn đình trệ dẫn tới đứt gãy tạm thời trong chuỗi cung ứng, xảy ra cả ở cấp độ địa phương, quốc gia, khu vực và toàn cầu. Thị trường lao động thời Covid -19 được đánh giá sẽ có tác động sâu rộng đến kết quả thị trường lao động. Ngoài những lo ngại cấp bách về sức khỏe của công nhân và gia đình họ, virus và các cú sốc kinh tế tiếp theo sẽ tác động đến việc làm. Cung lao động đang giảm vì các biện pháp cách ly và suy giảm hoạt động kinh tế. Tác động việc làm chủ yếu về tổn thất lớn về thu nhập cho người lao động. Những động thái ngắn hạn về chuyển dịch thương mại, sự đứt gãy trong chuỗi cung ứng toàn cầu cũng như những rủi ro bất thường như thiên tai dịch bệnh đang tạo ra những thuận lợi cũng như khó khăn dài hạn về kinh tế và việc làm nói riêng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bảo hiểm xã hội Việt Nam (2020), Quyền lợi người lao động bị nghỉ việc vì dịch Covid-19, yenbai.gov.vn.
2. Giáo trình Kinh tế chính trị Mác – Lênin (không chuyên).
3. Nghị quyết 42/ NQ- CP của chính phủ, m.thuvienphapluat.vn.
4. Nguyễn Hằng (2021), “Thị trường lao động là gì? Tình hình thị trường lao động Việt Nam”, timviec365.vn.
5. Nguyễn Hoàng (2020), Đại dịch Covid-19 ảnh hưởng tiêu cực đến tình hình lao động, việc làm. <http://baochinhphu.vn/Utilities/PrintView.aspx?distributionid=400408>
6. Nguyễn Thị Thanh Hương và Nguyễn Thị Hương Giang (2021), “Đại dịch Covid-19 tác động đến lao động việc làm ở Việt Nam qua phân tích số liệu thống kê”, vass.gov.vn.
7. Nguyễn Tuyết Anh (2021), “Hàng hóa sức lao động là gì? Lý luận chung về hàng hóa sức lao động”, luanvan1080.com.
8. Nguyễn Văn Dương (2021), “Hàng hóa là gì? Các thuộc tính cơ bản của hàng hóa là gì?”, luatduonggia.vn.
9. Tổng cục Thống kê, Báo cáo tình hình kinh tế quý I/2020, gso.gov.vn.
10. Tổng cục Thống kê (2020e), Thông cáo báo chí tình hình lao động việc làm quý III và 9 tháng năm 2020. <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2020/10/thong-cao-bao-chi-tinh-hinh-lao-dong-viec-lam-quy-iii-va-9-thang-nam-2020/>.
11. Trần Thị Thu Hương và Phạm Tiến Mạnh (2021), “Đánh giá tác động của đại dịch Covid-19 đến các doanh nghiệp Việt Nam”, m.tapchitaichinh.vn.